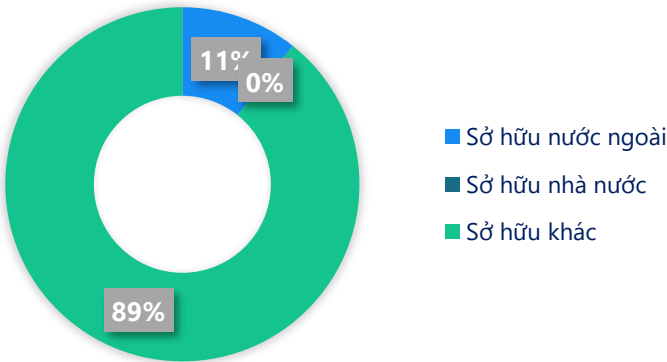


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		28,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		38,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		26,900
SL cổ phiếu LH		16,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,615
% sở hữu nước ngoài		10.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		474
P/E		63.0
EPS		447

	YTD	1T	3T	6T
CSI	-16.6%	3.7%	-0.7%	-15.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

Q4/25
Q3/25
Q2/25
Q1/25
Q4/24



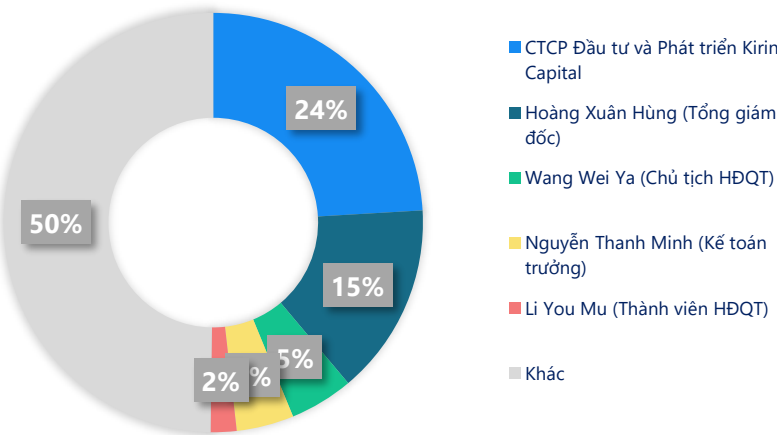
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q4/25

(Nguồn: fireant.vn)

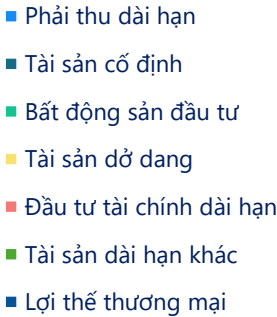
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

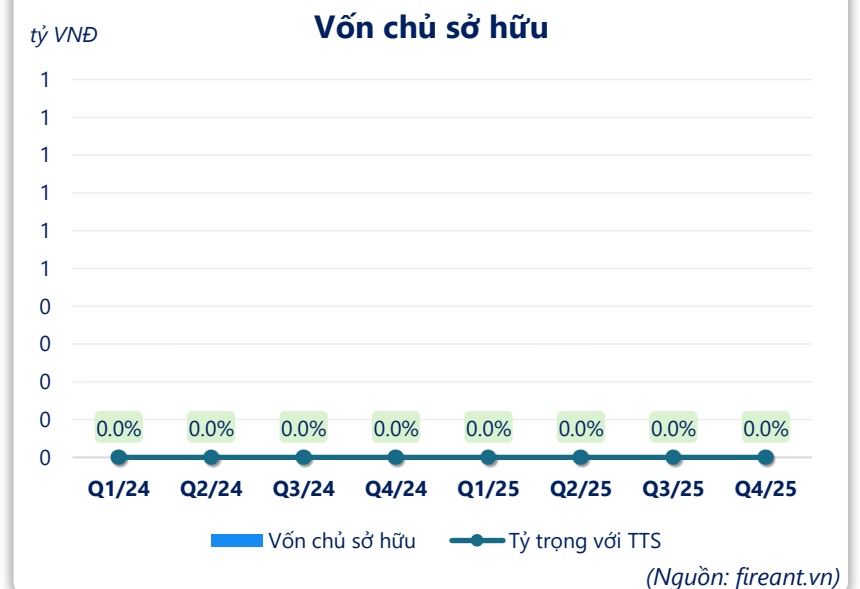
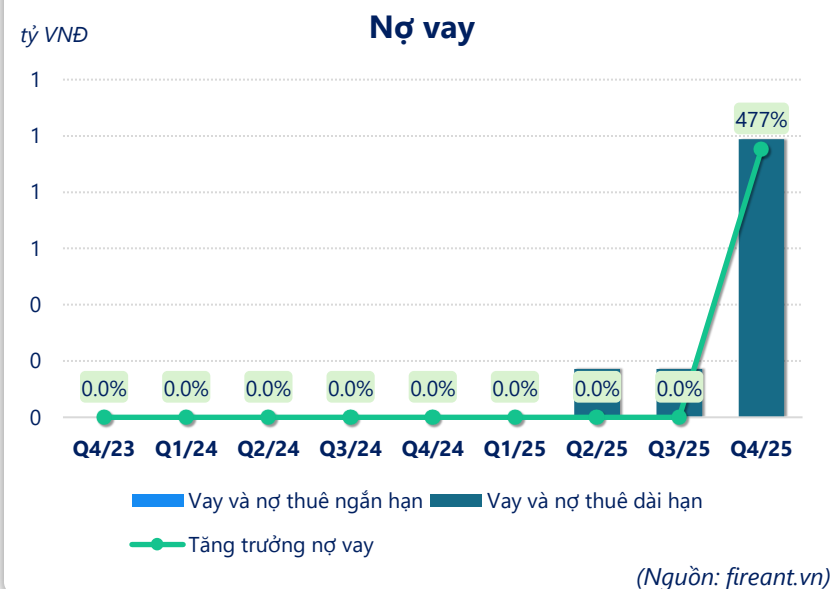
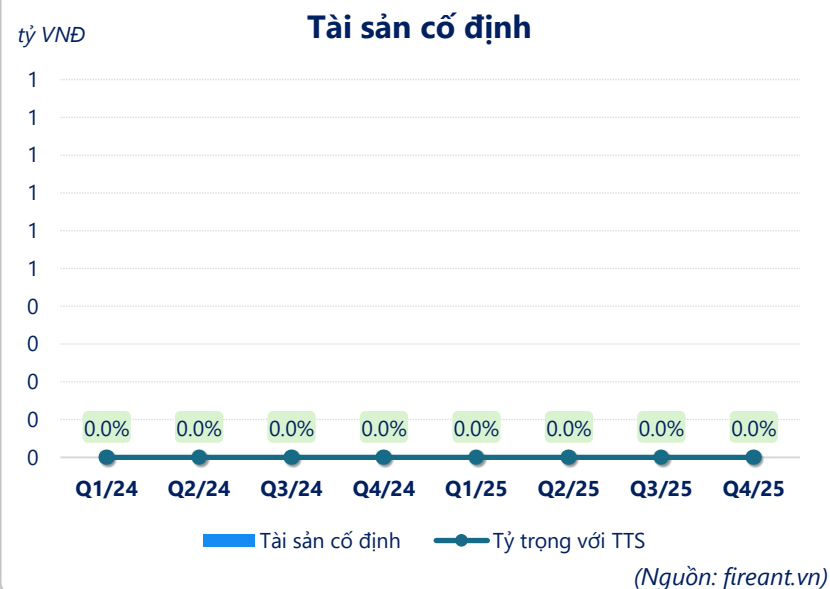
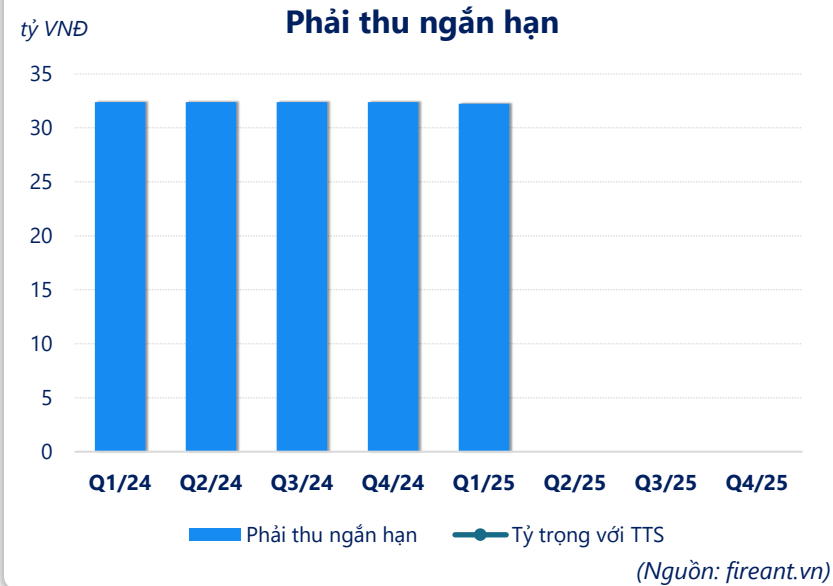
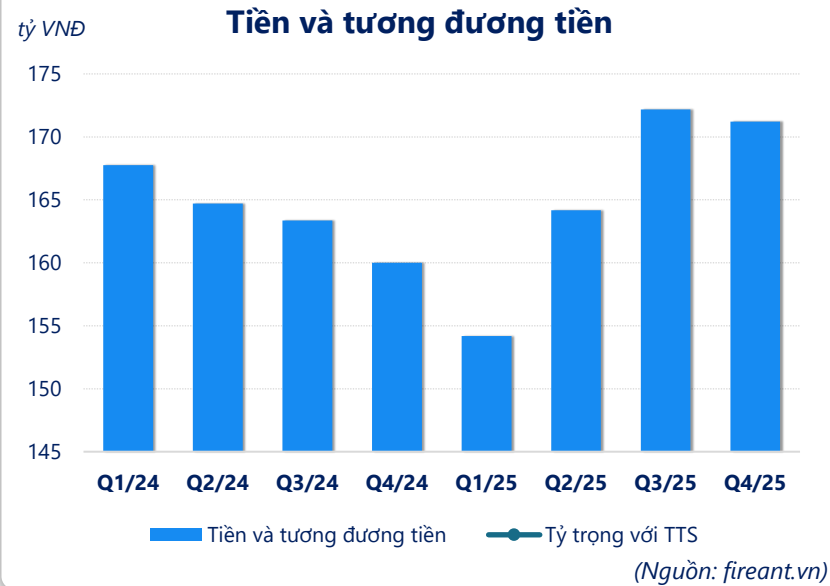
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

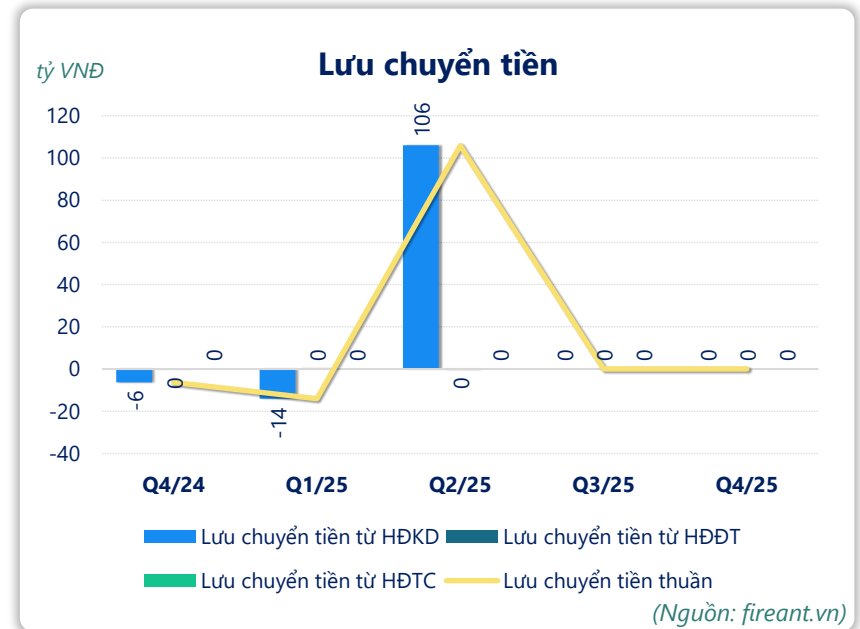
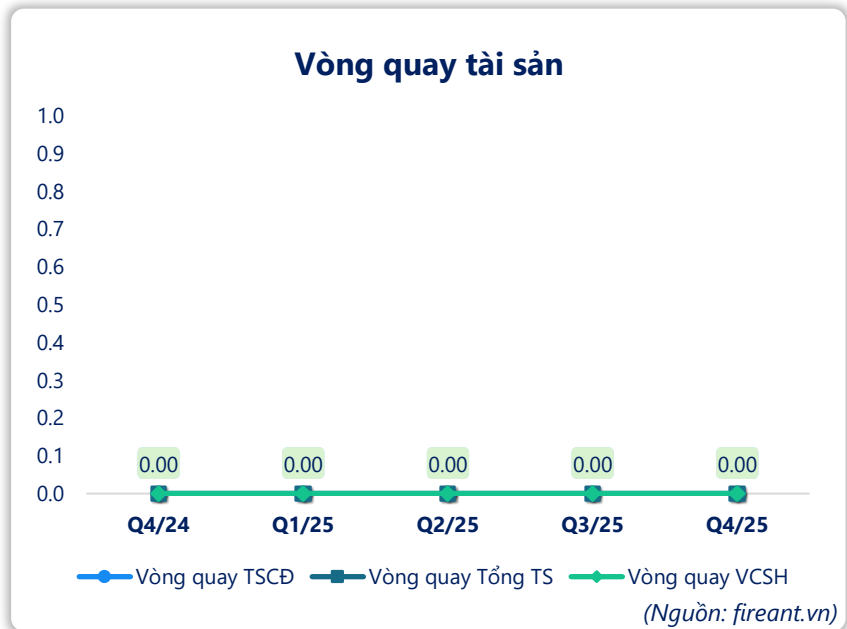
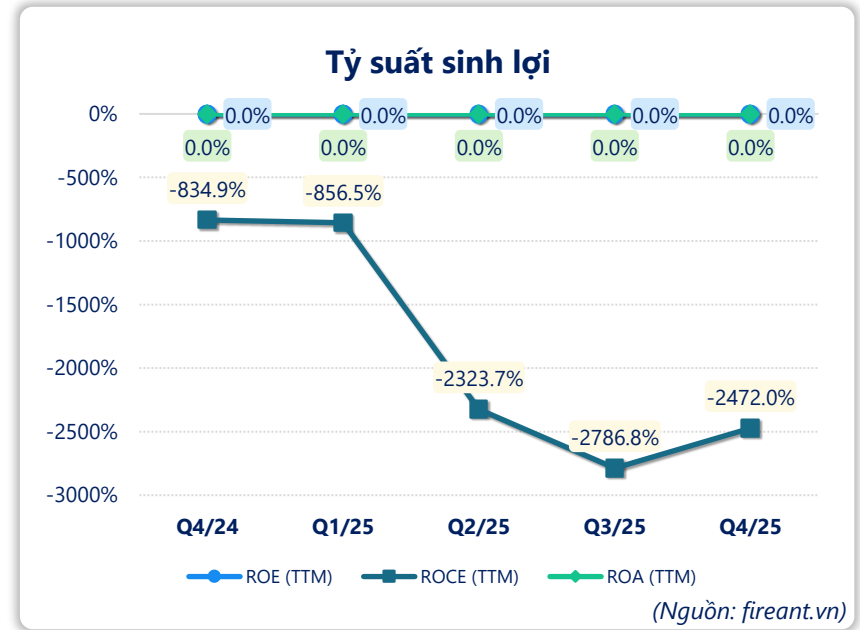
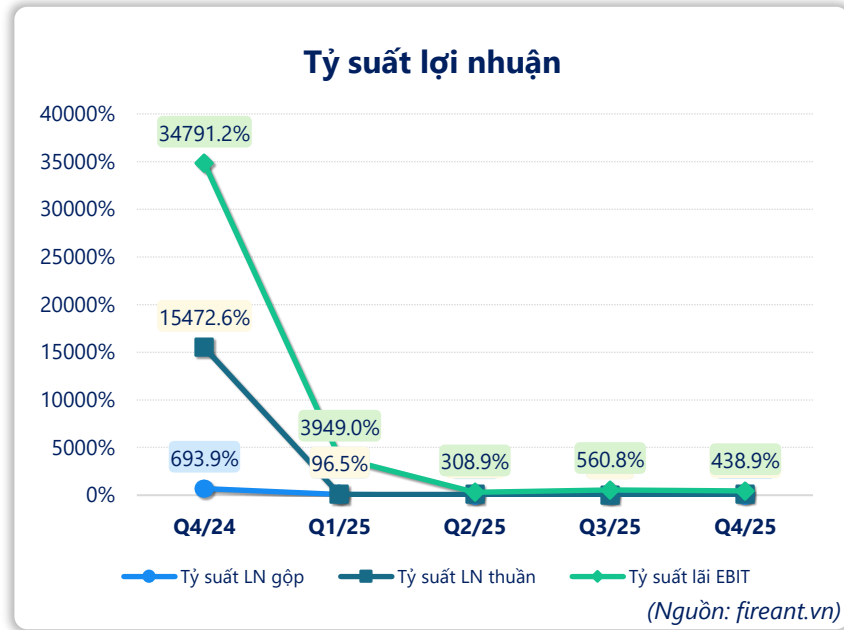
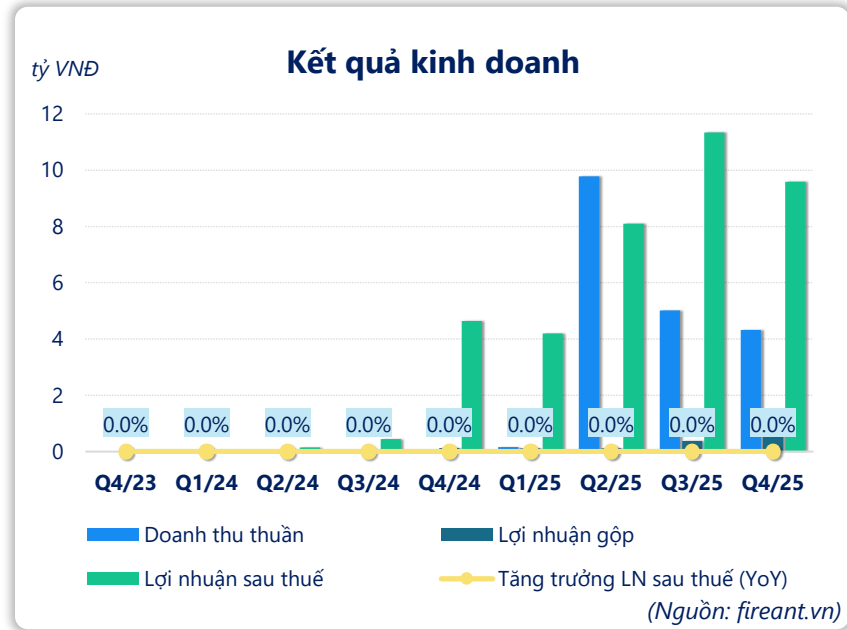
0.00%



Q4/25

(Nguồn: fireant.vn)





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	0	0	
Tài sản ngắn hạn	172	161	6.8%
Tiền và tương đương tiền	171	160	7.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	23.5	16.0	46.9%
Phải thu ngắn hạn	0	32.2	-100%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	0.92	1.30	-28.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.89	3.71	4.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	2.34	1.05	123%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	6.02	1.71	251%
Nợ ngắn hạn	5.04	1.71	194%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0.99	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	0.02	0.16	9.78	5.01	4.32
Giá vốn hàng bán	2.30	4.16	8.82	18.9	6.11
Lợi nhuận gộp	0.12	0.12	0.11	0.37	0.75
Doanh thu HĐTC	0.12	0.16	0.11	0.33	0.31
Chi phí TC	0.10	0.09	0.09	0.19	0.31
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.61	1.26	2.96	3.15	2.24
Chi phí QLDN	0	0	0	0	0
LN thuần từ HĐKD	2.74	0.15	8.29	0	4.77
Lợi nhuận khác	0.13	0.01	0.01	0.03	0.12
LN trước thuế	6.17	6.14	30.2	28.1	19.0
Lợi nhuận sau thuế	4.64	4.19	8.10	11.3	9.59
LNST của CĐ cty mẹ	0	0	-0.17	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-6.29	-14.1	106	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.10	0.01	-0.21	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	49.2	42.8	28.7	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	-6.39	-14.1	106	0	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	42.8	28.7	135	0	0

(Nguồn: fireant.vn)